TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2017
"*V/v tranh chấp xin ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Tuyết Nhung

2. Ông Phan Văn Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công: bà Trần Thị Tám, kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 149/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Thị Thanh P**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: đường PCT, Khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: đường ĐK, khu phố M, Phường B, thị xã G, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Thanh P trình bày: Do tự nguyện, tìm hiểu và tổ chức cưới vào năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới sống chung gia đình chị cho đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra xung đột, cự cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đã nhiều lần hàn gắn tình

cảm nhưng vẫn không chung sống được. Từ tháng 4/2017 cho đến nay không còn sống chung, tình cảm không còn nên xin ly hôn. Có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q sinh ngày 25/7/2011 hiện sống với chị. Yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì chị có khả năng nuôi con, nhưng nếu anh tự nguyện đóng góp nuôi con chung thì chị đồng ý nhận. Không có tài sản, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Trung H trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị Lê Thị Thanh P. Anh không muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng, nhưng do chị cương quyết xin ly hôn nên anh đồng ý theo yêu cầu của chị. Đồng ý để chị tiếp tục nuôi con chung. Hiện nay anh phụ giúp gia đình buôn bán, có thu nhập hàng tháng nên anh tự nguyện đóng góp nuôi con hàng tháng là 5.000.000 đồng. Không yêu cầu giải quyết tài sản.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không công nhận chị Lê Thị Thanh P và anh Nguyễn Trung H là vợ chồng. Chị P được tiếp tục nuôi con chung và ghi nhận anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân, chị Lê Thị Thanh P và anh Nguyễn Trung H tổ chức cưới và chung sống vợ chồng từ năm 2007, có con chung, nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận. Chị Lê Thị Thanh P yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Trung H là không có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thanh P và anh Nguyễn Trung H.

[2] Về nuôi con chung, chị P và anh H thỏa thuận khi không chung sống thì giao chị P được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phú Q sinh ngày 25/7/201, anh H tự nguyện đóng góp nuôi con chung hàng tháng 5.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và pháp luật, phù hợp điều kiện nuôi con của hai bên, nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, ghi nhận chị P và anh H thống nhất không yêu cầu giải quyết nên, Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh P phải chịu án theo quy định. Anh Nguyễn Trung H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh P.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thanh P và anh Nguyễn Trung H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Nguyễn Phú Q sinh ngày 25/7/2011 cho chị Lê Thị Thanh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Ghi nhận anh Nguyễn Trung H thực hiện nghĩa vụ đóng góp nuôi con với chị Lê Thị Thanh P số tiền là 5.000.000đồng/tháng (Năm triệu đồng/ tháng) cho đến khi cháu Nguyễn Phú Q thành niên (đủ 18 tuổi).

Án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 41775 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Trung H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND txGC
- Chi cục THA txGC
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

Trần Văn Dũng